

Số: 331 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2024 - 2030";

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 về việc ban hành Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2023-2030";

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định kết quả cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giai đoạn 2023 - 2030;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố giai đoạn 2023-2030 tại Tờ trình số 440/TTr-HĐTĐ ngày 28/02/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kết quả xếp loại Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố năm 2024 (có Phụ lục số 01, 02 kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2024, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quán triệt, rút kinh nghiệm; có giải pháp đầy mạnh, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v.v.v

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Thành viên Hội đồng thẩm định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Thành viên Tổ giúp việc Hội đồng;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKS. *trung*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**



**Phụ lục số 01**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024 CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**  
(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 28/02/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

STT	Tên đơn vị	Chỉ số CCHC	Xếp loại
1	Sở Tư pháp	96.58	Tốt
2	Sở Nội vụ	94.41	Tốt
3	Sở Tài chính	94.36	Tốt
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	94.12	Tốt
5	Sở Xây dựng	94.03	Tốt
6	Sở Thông tin và Truyền thông	93.33	Tốt
7	Sở Công Thương	93.12	Tốt
8	Sở Giao thông vận tải	91.38	Tốt
9	Sở Khoa học và Công nghệ	91.2	Tốt
10	Thanh tra tỉnh	90.25	Tốt
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	88.83	Khá
12	Sở Y tế	87.82	Khá
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87.43	Khá
14	Ban Quản lý Khu kinh tế và Các khu công nghiệp tỉnh	87.14	Khá
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	84.34	Khá
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	82.96	Khá
17	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	81.73	Khá
	<b>Chỉ số bình quân</b>	<b>90.17</b>	

**Phụ lục số 02**  
**CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ**  
*(Kèm theo Quyết định số 331 /QĐ-UBND ngày 28/02/2025*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).*

STT	Tên huyện/thành phố	Chỉ số CCHC	Xếp loại
1	UBND thành phố Thái Bình	91.28	Tốt
2	UBND huyện Thái Thụy	91.06	Tốt
3	UBND huyện Tiền Hải	88.35	Khá
4	UBND huyện Quỳnh Phụ	87.63	Khá
5	UBND huyện Vũ Thư	85.38	Khá
6	UBND huyện Đông Hưng	81.01	Khá
7	UBND huyện Kiến Xương	78.45	Khá
8	UBND huyện Hưng Hà	76.36	Khá
	<i>Chỉ số bình quân</i>	<i>84.94</i>	